

**DANH SÁCH HS-SV KHÓA 2016, 2017 CÒN NỢ HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019**

(Khoa Kinh tế)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	17004118	Nguyễn Thị Gia Ân	11/07/1999	17C1-KTD1	
2	17004371	Mai Thị Kim Anh	01/11/1999	17C1-KTD1	
3	17003092	Trần Đức Cảnh	05/10/1997	17C1-KTD1	
4	17003101	Trần Thị Thùy Dương	29/01/1999	17C1-KTD1	
5	17001146	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20/06/1998	17C1-KTD1	
6	17004093	Phan Ngọc Hà	21/06/1998	17C1-KTD1	
7	17003789	Trần Thị Thu Hiền	26/07/1995	17C1-KTD1	
8	17004215	Thị Hoa	24/02/1999	17C1-KTD1	
9	17002024	Phan Thị Kim Huyền	22/05/1999	17C1-KTD1	
10	17002881	Nguyễn Thị Kim Liên	03/10/1999	17C1-KTD1	
11	17001180	Phan Hoàng Mỹ Linh	03/04/1999	17C1-KTD1	
12	17004036	Nguyễn Thị Yến Loan	27/07/1998	17C1-KTD1	
13	17002505	Lê Tấn Minh	18/10/1999	17C1-KTD1	
14	17001179	Dương Thị Trà My	10/08/1999	17C1-KTD1	
15	17002639	Đinh Ngọc Ngân Mỹ	20/10/1999	17C1-KTD1	
16	17002643	Lê Thị Mỹ	27/11/1999	17C1-KTD1	
17	17004538	Nguyễn Thị Thanh Nga	26/06/1996	17C1-KTD1	
18	17003923	Phạm Thị Ngọc Ngân	14/09/1999	17C1-KTD1	
19	17002061	Trần Nghiệp	13/02/1999	17C1-KTD1	
20	17003023	Nguyễn Đoàn Kim Nguyên	11/02/1999	17C1-KTD1	
21	17003622	Lê Tuệ Như	12/06/1999	17C1-KTD1	
22	17004147	Trần Thanh Phát	08/08/1994	17C1-KTD1	
23	17001138	Nguyễn Trúc Phương	10/07/1999	17C1-KTD1	
24	17002075	Đinh Phương Quyên	11/08/1999	17C1-KTD1	
25	17004642	Trần Thu Thảo	01/01/1999	17C1-KTD1	
26	17002900	Lê Nhật Thiên	14/11/1998	17C1-KTD1	
27	17004011	Nguyễn Anh Thư	20/11/1999	17C1-KTD1	
28	17003378	Tòng Thị Bích Tiên	08/08/1999	17C1-KTD1	
29	17001834	Lê Ngọc Bảo Trân	30/10/1999	17C1-KTD1	
30	17001485	Nguyễn Thị Lan Tường	19/11/1999	17C1-KTD1	
31	17003809	Phạm Thị Bích Tuyền	12/01/1999	17C1-KTD1	
32	17004747	Đặng Thị Ánh Tuyết	08/09/1998	17C1-KTD1	
33	17003404	Lã Thị Kim Uyên	23/01/1998	17C1-KTD1	
34	17003779	Lê Ngọc Uyên	29/08/1999	17C1-KTD1	
35	17002461	Phạm Thị Cẩm Xy	11/08/1999	17C1-KTD1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
36	17004818	Mai Văn Cường	28/10/1998	17C1-QTD1	
37	17004146	Mai Thị Xuân Dung	23/08/1999	17C1-QTD1	
38	17000591	Nguyễn Thị Mai Dung	08/05/1999	17C1-QTD1	
39	17003735	Nguyễn Thị Mỹ Hào	21/12/1999	17C1-QTD1	
40	17004310	Đặng Phạm Phương Hoàng	06/02/1998	17C1-QTD1	
41	17004148	Kim Nhật Hoàng	16/07/1998	17C1-QTD1	
42	17004091	Nguyễn Thị Huệ	08/08/1999	17C1-QTD1	
43	17003568	Bùi Gia Lâm	30/10/1999	17C1-QTD1	
44	17004207	Tất Thang Ngọc Linh	01/06/1999	17C1-QTD1	
45	17004604	Nguyễn Gia Lộc	28/08/1995	17C1-QTD1	
46	17002718	Nguyễn Kim Ngân	21/07/1997	17C1-QTD1	
47	17002513	Nguyễn Thị Nhàn	24/03/1999	17C1-QTD1	
48	17004594	Võ Đoàn Minh Nhật	23/02/1997	17C1-QTD1	
49	17002677	Huỳnh Thị Cẩm Nhung	05/01/1998	17C1-QTD1	
50	17003897	Võ Thái Phước	21/05/1999	17C1-QTD1	
51	17004297	Võ Hoàng Uyên Phương	18/05/1999	17C1-QTD1	
52	17003959	Huỳnh Hồng Sơn	21/03/1999	17C1-QTD1	
53	17003591	Phạm Khả Tân	17/11/1999	17C1-QTD1	
54	17003826	Trần Duy Tân	10/07/1998	17C1-QTD1	
55	17004438	Châu Văn Phúc Tấn	28/06/1998	17C1-QTD1	
56	17003466	Đặng Thị Thân	03/06/1998	17C1-QTD1	
57	17004599	Nguyễn Thị Theo	03/01/1999	17C1-QTD1	
58	17004623	Phùng Văn Thiện	20/06/1997	17C1-QTD1	
59	17003804	Lê Thị Ngọc Trâm	10/05/1999	17C1-QTD1	
60	17003783	Nguyễn Hoàng Như Trâm	12/06/1999	17C1-QTD1	
61	17004854	Ngô Huỳnh Huy Tráng	16/04/1999	17C1-QTD1	
62	17003782	Nguyễn Hoàng Như Trinh	12/06/1999	17C1-QTD1	
63	17004597	Nguyễn Tô Yến Trúc	05/12/1999	17C1-QTD1	
64	17004319	Trần Thị Anh Trúc	02/01/1999	17C1-QTD1	
65	17001549	Nguyễn Thanh Trường	17/11/1999	17C1-QTD1	
66	17003184	Vũ Thị Hoài Tú	07/07/1999	17C1-QTD1	
67	17003050	Khúc Văn Tuấn	20/02/1998	17C1-QTD1	
68	17004748	Cao Tuấn Vũ	22/07/1997	17C1-QTD1	
69	17000430	Phan Ngọc Ánh	15/05/2002	17T4-KTD1	
70	17001946	Trần Gia Bình	02/09/2002	17T4-KTD1	
71	17002730	Vũ Kim Thanh Hằng	27/07/2001	17T4-KTD1	
72	17000029	Đặng Minh Hoàng	17/8/2000	17T4-KTD1	
73	17000813	Hà Chung Bích Ngọc	18/01/2002	17T4-KTD1	
74	17004531	Phan Thanh Nguyên	11/06/2002	17T4-KTD1	
75	17004529	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	11/07/2002	17T4-KTD1	
76	17000999	Phạm Tâm Như	19/10/2002	17T4-KTD1	
77	17001835	Nguyễn Vũ Mai Phương	18/10/2002	17T4-KTD1	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
78	17000633	Trần Thị Phương Thảo	26/06/2002	17T4-KTD1	
79	17004432	Nguyễn Hồ Kim Thanh Thủy	18/01/2000	17T4-KTD1	
80	17001970	Phạm Thị Thu Thủy	08/05/2002	17T4-KTD1	
81	17004945	Đỗ Việt Anh	04/06/2001	17T4-QTD1	
82	17000649	Dương Ngọc Minh Anh	21/01/2002	17T4-QTD1	
83	17004112	Nguyễn Thị Thanh Chúc	14/11/2001	17T4-QTD1	
84	17004458	Nguyễn Mậu Công	21/07/2002	17T4-QTD1	
85	17000680	Phạm Phú Cường	18/01/2002	17T4-QTD1	
86	17003549	Nguyễn Quang Dương	19/09/2000	17T4-QTD1	
87	17000375	Hàn Mạnh Kiên	24/10/2002	17T4-QTD1	
88	17004557	Huỳnh Văn Tuấn Kiệt	01/04/2001	17T4-QTD1	
89	17000141	Huỳnh Tấn Minh Mẫn	12/9/2002	17T4-QTD1	
90	17003616	Phan Nguyễn Quỳnh Như	21/09/2001	17T4-QTD1	
91	17000827	Nguyễn Lương Hoàng Quân	23/12/2002	17T4-QTD1	
92	17002857	Nguyễn Dương Ngọc Thiên Quý	09/11/2001	17T4-QTD1	
93	17003216	Cao Thị Cẩm Thu	24/07/2001	17T4-QTD1	
94	17000315	Trần Nguyễn Anh Thư	24/12/2001	17T4-QTD1	
95	17003617	Phan Nguyễn Quỳnh Thy	21/09/2001	17T4-QTD1	
96	17004465	Bùi Nguyễn Xuân Trường	26/06/2001	17T4-QTD1	
97	17002021	Khuong Hữu Cẩm Tú	10/04/2002	17T4-QTD1	
98	17003500	Trần Thanh Tuấn	12/05/2001	17T4-QTD1	
99	17003547	Lê Văn Trường Phong Vũ	23/01/1999	17T4-QTD1	
100	16002977	Nguyễn Phương Anh	25/07/1998	16CĐN-QTD	
101	16002330	Phan Nguyễn Quỳnh Anh	09/05/1998	16CĐN-QTD	
102	16002607	Nguyễn Hữu Đức	29/12/1998	16CĐN-QTD	
103	16002224	Trần Thị Mỹ Duyên	07/02/1998	16CĐN-QTD	
104	16002969	Võ Lê Kim Giàu	30/05/1998	16CĐN-QTD	
105	16000572	Phạm Thái Hòa	04/12/1997	16CĐN-QTD	
106	16003602	Nguyễn Thanh Khỏe	01/09/1998	16CĐN-QTD	
107	16000539	Võ Thế Lâm	02/05/1995	16CĐN-QTD	
108	16001207	Võ Thị Út Liên	20/11/1997	16CĐN-QTD	
109	16001611	Đồng Thị Ngọc Mai	18/05/1998	16CĐN-QTD	
110	16003742	Trần Thị Mai	21/10/1998	16CĐN-QTD	
111	16001888	Lý Bội Như	07/09/1998	16CĐN-QTD	
112	16002007	Nguyễn Thị Thanh Phương	01/12/1998	16CĐN-QTD	
113	16001921	Trần Đỗ Hồng Phương	28/09/1998	16CĐN-QTD	
114	16001601	Âu Thiên Quang	03/06/1998	16CĐN-QTD	
115	16003400	Hà Văn Tâm	18/03/1998	16CĐN-QTD	
116	16001822	Nguyễn Huỳnh Cẩm Tú	19/10/1998	16CĐN-QTD	
117	16001065	Đỗ Minh Tuấn	10/10/1998	16CĐN-QTD	
118	16003640	Trần Minh Tuyên	12/10/1996	16CĐN-QTD	
119	16003221	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	25/02/1998	16CĐN-QTD	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
120	16003601	Đặng Thị Hoàng Vân	01/08/1998	16CDN-QTD	
121	16002590	Lương Hoàng Yến Vy	04/03/1994	16CDN-QTD	
122	16000823	Nguyễn Kim Anh	01/08/2000	16TCN-KTD	
123	16002545	Huỳnh Thái Bảo Hân	19/10/2000	16TCN-KTD	
124	16002546	Phạm Thị Hoài Như	13/04/1997	16TCN-KTD	
125	16003103	Nguyễn Hữu Tài	02/12/1999	16TCN-KTD	
126	16000683	Nguyễn Hoàng Giang Thanh	29/12/1998	16TCN-KTD	
127	16000403	Nguyễn Phú Tuyền	13/06/2000	16TCN-KTD	
128	16003696	Nguyễn Thanh Tuyền	01/02/2001	16TCN-KTD	
129	16000942	Phạm Nguyễn Ngọc Bích	15/09/1999	16TCN-QTD	
130	16001711	Nguyễn Hoàng Duy	06/11/1998	16TCN-QTD	
131	16000041	Lê Thị Mai Hân	21/10/2001	16TCN-QTD	
132	16000483	Vũ Thị Kiều My	16/12/2001	16TCN-QTD	
133	16000010	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	07/03/2001	16TCN-QTD	
134	16000355	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	25/09/2001	16TCN-QTD	
135	16003695	Trần Như Quỳnh	05/01/1996	16TCN-QTD	
136	16000114	Nguyễn Tiến Duy Tân	23/04/2001	16TCN-QTD	
137	16000609	Nguyễn Ngọc Thùy Trâm	19/09/2001	16TCN-QTD	
138	16000900	Nguyễn Minh Trí	10/01/2001	16TCN-QTD	
139	16000305	Nguyễn Hoàng Thúy Vi	17/02/2001	16TCN-QTD	
140	16000082	Lâm Huỳnh Bảo Vy	27/12/2001	16TCN-QTD	
Tổng cộng:			140	HS-SV	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2018